**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CƯ JÚT**
**TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2023
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆT CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/4/2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2022, về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ mới: Số 125 Tân Thái Hiệp, phường T, quận X, TP Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào năm 2015, anh Phạm Văn T cùng chị Trần Thị M tự nguyện yêu nhau, đi đến với nhau không bên nào ép buộc bên nào và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống anh T cùng chị M sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi từ năm 2021. Hiện nay, anh T và chị M đã ly thân với nhau gần hai năm cho đến nay. Từ đó anh T cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị M. Về con chung: Anh T và chị M sống chung với nhau được 01 đứa con

chung là Phạm Kim A, sinh ngày 30/03/2016, nguyện vọng anh T xin nuôi con chung đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, kinh tế anh T ổn định nên anh T đủ về kinh tế nuôi con chung; nghề nghiệp anh T kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; có nhà cửa, anh được hưởng thừa kế của bố anh; nhà anh T có điều kiện cho con học tốt. Hiện nay, con chung đang ở với anh T học hành ở thôn 03, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 06/01/2023 chị Trần Thị M trình bày: Vào năm 2015 chị M và anh T sống chung với nhau trên cơ sơ tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống chị M và anh T sống chung được ba năm thì phát sinh ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh chị M, hai người không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó chị M vào trong TP Hồ Chí Minh làm Bảo mẫu tại trường mầm non Sao Mai 2; địa chỉ: Số 125 Tân Thái Hiệp, phường T, quận X, TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M, chị M đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung: Chị M và anh T sống chung với nhau được 01 con chung là Phạm Kim A, sinh này 30/03/2016. Nguyện vọng chị M được xin nuôi con chung đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về kinh tế chị M làm Bảo mẫu lương mỗi tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng; chị M đủ điều kiện để nuôi con chung. Về nhà ở: Chị M không có nhà, hiện nay đang thuê trọ ở TP Hồ Chí Minh. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân anh T được ly hôn với chị M; Về con chung giao con chung cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc đến đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, nguyên đơn ở địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Bị đơn ở

địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Địa chỉ mới: Số 125 Tân Thái Hiệp, phường T, quận X, TP Hồ Chí Minh); Do đó đây là vụ án "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải, nhưng chị M có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án không tiến hành Hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn T xin ly hôn với chị Trần Thị M, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn giữa anh T và chị M sống hạnh phúc được một thời gian thì phát mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm gì đến nhau, anh T và chị M đã sống ly thân gần hai năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T cho rằng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm giữa anh T và chị M đã thật sự tan vỡ, không thể hàn gắn được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Mùa cũng cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M, chị M đồng ý. Xét thấy giữa anh T và chi M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu anh T được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh T và chị M đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung Phạm Kim A, sinh ngày 30/03/2016 đến đủ 18 tuổi, anh T và chị M đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và theo nguyện vọng của con chung Phạm Kim A xin được ở với bố để đảm bảo việc học hành và cuộc sống hơn.

HĐXX xét xử xét thấy khi giao con chung cần xem xét điều kiện kinh tế, công việc ổn định, nhà cửa, thu thập của mỗi bên để đảm bảo cuộc sống của con. Anh T cho rằng hiện kinh tế anh T ổn định, có nhà cửa và công việc ổn định, anh T kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát. Hiện nay, con chung ở với anh T ăn học gần hai năm nay. Đối với chị M cho rằng, hiện tại chị M làm Bảo mẫu ở TP Hồ Chí Minh, lương 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng; không có nhà cửa, ở nhà thuê. Qua xác minh tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho biết điều kiện kinh tế của anh T ổn định, nghề nghiệp buôn bán, con chung Phạm Kim A đang ở với anh T và học ở xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Theo nguyện vọng của con chung Phạm Kim A xin được ở với bố để đảm bảo việc học hành và cuộc sống hơn. Xét điều kiện kinh tế, nhà cửa, công việc của anh T ổn định hơn chị M, con chung hiện nay đang ở với anh T ăn học tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông, để đảm bảo cuộc sống của con chung. Do vậy, HĐXX cần giao con chung Phạm Kim A, sinh ngày 30/03/2016 cho anh Phạm Văn T chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến đủ 18 tuổi, Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, điều này cũng phù hợp với luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Kim A, sinh ngày 30/03/2016 cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000077 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan**